

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỪNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2017

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỪNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị T

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn H

2. Bà Hà Thị T

Thư ký phiên tòa: Ông Lâu Văn C - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 08/2016/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2017 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/ QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị N, sinh ngày 02/9/1985. Có mặt.

Trú tại: Bản Na Tao, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Vi Văn T, sinh ngày 10/10/1985. **Có mặt.**

Trú tại: Bản Na Tao, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi được bảo vệ: Vi Gia B, sinh ngày 23/9/2008, có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và Người có quyền lợi được bảo vệ:

Ông: Nguyễn Ngọc K, Trợ giúp viên, TTTGPL số 1 thuộc TTTGPL Nhà Nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Ông: Hà Văn K, Trợ giúp viên, TTTGPL số 1 thuộc TTTGPL Nhà Nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/6/2017; bản tự khai ngày 26/6/2017; Biên bản hòa giải ngày 20/7/2017 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Hà Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vi Văn T tự do tìm hiểu yêu đương trên cơ sở tự nguyện, được hai gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 20/5/2005 chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày cưới và không đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 chị phát hiện anh Tản nghiện ma túy hai người phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hiện anh T và chị N không còn chung sống cùng nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh, chị có con chung tên là Vi Gia B, sinh ngày 23/9/2008, hiện tại cháu ở với chị và ông bà ngoại. Nguyên vọng của chị xin được trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc cháu Bảo cho đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu anh T đóng góp nuôi con chung.

Về Tài sản chung, nợ nần chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Vi Văn T trình bày tại bản tự khai ngày 14/7/2017 và tại phiên Tòa hôm nay, Anh đồng ý như lời trình bày của chị N về hôn nhân, Theo anh, hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nguyên nhân là do Anh nóng tính nên nói nặng lời với chị, Anh đồng ý ly hôn.

Con chung: Anh đồng ý cho chị Nhung nuôi con chung.

Về Tài sản chung: Anh đồng ý với chị N để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Cháu Vi Gia B trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên vọng của cháu muốn ở với mẹ, thỉnh thoảng cháu sang thăm bố và ông bà Nội.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và Người có quyền lợi được bảo vệ trình bày:

Về hôn nhân: Do anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh T và chị N là bất hợp pháp. Đề nghị HĐXX tuyên không công nhận anh và chị là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Bản thân anh T nghiện ma túy, không cai nghiện được dẫn đến không làm được việc gì, để có tiền mua ma túy anh thường xuyên

đe dọa làm cho chị và con sợ, gây hoang mang cho chị và cháu nên chị phải về nhà ông bà ngoại của cháu ở nhằm có người bảo vệ mình. Mặt khác anh chị đã hòa giải và thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung. Anh đồng ý để chị N trực tiếp nuôi con. Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung. Giao cháu Vi Gia B cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Đồng ý với ý kiến của chị N, anh T, cháu B và người Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn về việc giải quyết về Hôn nhân, con cái của anh T và chị N. Cho rằng việc qua, lại thăm nom con cái là quyền lợi của người bố, đề nghị HĐXX tuyên anh T có quyền thăm nom con, chị N không được ngăn cấm, cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Chị Hà Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Vi Văn T, hiện cư trú tại bản Na Tao, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1, khoản 7 điều 28, khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa được quyền thụ lý và giải quyết.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Hà Thị N và anh Vi Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 20/5/2005 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm điều 9; luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị Hà Thị N có đơn xin ly hôn, căn cứ khoản 1 điều 11; khoản 1 điều 14; điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Không công nhận chị Chị Hà Thị N và Anh Vi Văn T là vợ chồng.

[3]. *Về con chung*: Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung. Căn cứ điều 58; khoản 2 điều 81; điều 82; điều 83 luật Hôn nhân và gia đình. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Vi Gia B cho chị Hà Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành.

[4]. *Về án phí*: Chị N phải nộp khoản tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1, khoản 7 điều 28; Khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Khoản 1 điều 11; Khoản 1 điều 14; Điều 53; Điều 58; Khoản 2 điều 81; Điều 82; Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Thị N

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận Chị Hà Thị N và Anh Vi Văn T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Vi Gia B cho chị N trực tiếp chăm dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành.

2.2. Anh T không phải đóng góp nuôi con chung và có quyền qua lại thăm nom con chung, chị N không được ngăn cấm cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở, tác động xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Hà Thị N phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí HN&GD sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp ngày 20 tháng 6 năm 2017, theo biên lai thu số: AA/2010/001036 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn, người Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm. (Ngày 10/8/2017)

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh T.Hóa
- VKS Mường Lát,
- Các Đương sự,
- Chi cục THADS M.Lát
- Người BVQ và LIHP cho ND, BD
- UBND xã Pù Nhi
- Lưu HS.

Ngô Thị T

